**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU**

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP**VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | BỘ CÔNG THƯƠNG**VỤ PHÁP CHẾ** **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

Ngày 20/11/2017, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật số 17/2017/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2018.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Sau 4 năm triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” ban hành kèm Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012, về cơ bản, việc cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên, quá trình triển khai cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng cho thấy việc xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro lớn cho hệ thống tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Kết quả tổng kết Đề án 254 cho thấy một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những bất cập, hạn chế còn tồn tại trong quá trình triển khai cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng:

- Cơ chế, chính sách về xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn nhiều bất cập, nhiều vấn đề mới, phức tạp phát sinh trong quá trình xử lý tổ chức tín dụng yếu kém mà pháp luật chưa có quy định hoặc chưa được điều chỉnh kịp thời.

- Việc không kịp thời xây dựng, hoàn thiện cơ chế, pháp luật về xử lý tổ chức tín dụng yếu kém có thể dẫn tới việc Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước không có đầy đủ thẩm quyền theo luật định để xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, không đủ cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp phục hồi, xử lý tổ chức tín dụng yếu kém.

- Khó quản lý, ngăn ngừa vấn đề sở hữu chéo và việc thao túng hoạt động của tổ chức tín dụng của cổ đông.

- Không khuyến khích, huy động được các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, dẫn đến kéo dài thời gian và tăng chi phí xử lý tổ chức tín dụng yếu kém; làm ảnh hưởng tới niềm tin của công chúng đối với công tác tái cơ cấu; không thể khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, qua đó ảnh hưởng đến mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng, khó giảm lãi suất, giảm khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

Từ thực tiễn nêu trên và để triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với nợ xấu giai đoạn 2016-2020” (ban hành theo Quyết định 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính Phủ), việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng nhằm tạo cơ chế xử lý tổ chức tín dụng yếu kém là yêu cầu cần thiết.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

- Cần quy định đầy đủ, cụ thể về thẩm quyền quyết định, các phương án, biện pháp hỗ trợ có thể áp dụng để xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để bảo đảm có đủ cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng phương án, biện pháp phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

- Bảo đảm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng theo Nghị quyết Trung ương số 05-NQ/TW, Hội nghị trung ương 4, khóa XII, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để xử lý căn bản và triệt để nợ xấu và các tổ chức tín dụng yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, hỗ trợ kịp thời từ khâu phát hiện các tổ chức tín dụng yếu kém đến khâu phục hồi, củng cố năng lực để các tổ chức tín dụng yếu kém có khả năng trở thành tổ chức tín dụng lành mạnh, ngăn ngừa có hiệu quả việc phát sinh mới các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, xử lý triệt để tình trạng sở hữu chéo, vốn ảo trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

- Cần phải tham khảo kinh nghiệm của một số nước để chọn lọc những kinh nghiệm hay, áp dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

**III. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng (gọi tắt là Luật năm 2017) gồm 3 điều, trong đó: Điều 1 quy định sửa đổi, bổ sung 32 điều, bổ sung mới 28 điều và bãi bỏ khoản 5 Điều 130 trong Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 2 quy định điều khoản thi hành, Điều 3 quy định chuyển tiếp.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (Điều 1)**

***1.1. Giải thích từ ngữ (sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng):***

Luật năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ cơ bản tại Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó bổ sung làm rõ thêm khái niệm về người có liên quan theo hướng cho phép Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát có thể yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung thêm người có liên quan là pháp nhân, cá nhân có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đồng thời làm rõ khái niệm về kiểm soát đặc biệt, cụ thể: kiểm soát đặc biệt là việc tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, Luật giải thích một số thuật ngữ về xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được sử dụng trong Luật như phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc, bên nhận chuyển giao, tổ chức tín dụng hỗ trợ nhằm làm rõ nội hàm của các cụm từ được sử dụng tại Luật.

***1.2. Sửa đổi, bổ sung thêm trường hợp thu hồi Giấy phép (điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng)***

Đối với tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý, nội dung sửa đổi này nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***1.3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định hiện hành tại Luật Các tổ chức tín dụng về nâng cao năng lực quản trị, điều hành, xử lý tình trạng sở hữu chéo, ngăn ngừa nợ xấu mới, tổ chức tín dụng yếu kém mới phát sinh***

- Bổ sung điểm h vào khoản 1 Điều 33 về trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, theo đó, người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiến tệ ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với một số hành vi vi phạm sẽ không được đảm nhiệm chức vụ. Quy định này nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời nâng cao năng lực quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng.

- Bổ sung quy định khoản 4 Điều 34 theo hướng: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác để hạn chế việc lạm dụng quyền đồng thời là người quản trị, điều hành tại tổ chức tín dụng và doanh nghiệp để thực hiện hoạt động đầu tư, cấp tín dụng cho khách hàng có lợi ích liên quan, tạo ra rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 50 về tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng theo hướng nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, đặc biệt là kinh nghiệm thực tiễn đối với các chức danh này.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 về danh sách nhân sự người quản trị, người điều hành, kiểm soát dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bảo đảm kiểm soát tốt hơn năng lực của người quản trị, người điều hành, kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã.

- Bổ sung khoản 4 vào Điều 39 quy định yêu cầu tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin về lợi ích liên quan của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 54 về việc cổ đông phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không được sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng và không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 55 quy định hạn chế đối với một cổ đông lớn và người có liên quan tại một tổ chức tín dụng không được sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng khác.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về không được cấp tín dụng hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng tại Điều 126, 127 và 128 Luật Các tổ chức tín dụng.

***1.4. Sửa đổi, bổ sung một số quy định khác tại Luật Các tổ chức tín dụng***

Để giải quyết một số bất cập phát sinh trong thực tiễn triển khai Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian qua như quy định về thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương lợi ích khác đối với chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ (Điều 63, Điều 45), sửa đổi một tỷ lệ bảo đảm an toàn tại điểm e khoản 1 Điều 130....

***1.5. Bổ sung Điều 130a quy định về biện pháp can thiệp sớm để kiểm soát tổ chức tín dụng có dấu hiệu yếu kém nhưng chưa đến mức phải kiểm soát đặc biệt***

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng cơ chế can thiệp sớm bao gồm quy định cụ thể trường hợp áp dụng cơ chế can thiệp sớm, các biện pháp khắc phục cần thực hiện và quy trình thực hiện biện pháp can thiệp sớm từ giai đoạn phát hiện cho đến giai đoạn chấm dứt can thiệp sớm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có dấu hiệu yếu kém cần khắc phục nhằm xử lý các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ khi có dấu hiệu yếu kém, hạn chế việc phải đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.

***1.6. Sửa đổi, bổ sung Mục 1 Chương VIII Luật Các tổ chức tín dụng về kiểm soát đặc biệt theo hướng hoàn thiện các quy định hiện hành***

Nhằm xử lý các vướng mắc, bất cập đã nảy sinh trong quá trình Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng trên trong thời gian vừa qua, Luật đã bổ sung thêm trường hợp Ngân hàng Nhà nước xem xét đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt; sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền kiểm soát đặc biệt theo đó phân định rõ thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong việc quyết định phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; sửa đổi, bổ sung quy định về chấm dứt kiểm soát đặc biệt; trách nhiệm quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước, Ban kiểm soát đặc biệt, các cơ quan quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; sửa đổi, bổ sung quy định về khoản vay đặc biệt theo hướng cụ thể hơn các trường hợp được vay đặc biệt, việc ưu tiên hoàn trả khoản vay đặc biệt; bổ sung quy định về quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

+ Bổ sung và quy định rõ thẩm quyền xử lý của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong việc xử lý, cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:

Căn cứ vào loại hình hoạt động, tầm ảnh hưởng tới hệ thống các tổ chức tín dụng, Luật năm 2017 quy định:

 (i) Chính phủ quyết định chủ trương và phê duyệt phương án phá sản, giải thể, chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;

 (ii) Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương và phê duyệt phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được kiểm soát đặc biệt; quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

(iii) Ngân hàng Nhà nước quyết định chủ trương và phê duyệt phương án phục hồi, phương án xử lý sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô trừ nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trên đây.

Đồng thời, Luật năm 2017 cũng trao quyền cho Chính phủ được quyết định áp dụng biện pháp đặc biệt để xử lý tổ chức tín dụng yếu kém nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

+ Về thẩm quyền và trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt; trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:

So với quy định hiện hành, Luật năm 2017 đã quy định cụ thể hơn thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước; bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bổ sung quy định về thẩm quyền của Ban kiểm soát đặc biệt về việc chỉ đạo tổ chức tín dụng áp dụng ngay các biện pháp cần thiết trước khi thực hiện phương án xử lý (rà soát mạng lưới, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh và thực hiện cắt giảm chi phí, xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm...) và một số nội dung cần thiết khác.

+ Quy định về khoản vay đặc biệt:

Luật năm 2017 đã quy định cụ thể hơn về khoản vay đặc biệt: tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt ngoài được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác như quy định hiện hành còn được vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (đối với tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân), Ngân hàng hợp tác xã (đối với quỹ tín dụng nhân dân); Luật cũng cụ thể hơn các trường hợp được vay đặc biệt và việc ưu tiên hoàn trả khoản vay đặc biệt.

+ Luật năm 2017 bổ sung quy định về quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt để bảo đảm phù hợp với thực trạng hoạt động của các tổ chức tín dụng này:

Sửa đổi, bổ sung Mục 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e vào sau Mục 1 Chương VIII về các nội dung liên quan đến đánh giá thực trạng, xây dựng phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và nội dung tổ chức thực hiện từng phương án cụ thể.

Quy định hiện hành chưa quy định rõ về đánh giá thực trạng tổng thể về tài chính, hoạt động, quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng trước khi xây dựng phương án củng cố và phục hồi hoạt động để làm cơ sở cho việc xem xét lựa chọn, áp dụng các giải pháp để phục hồi, củng cố hoạt động hoặc xử lý pháp nhân đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Để đảm bảo việc xem xét lựa chọn phương án xử lý phù hợp với thực trạng của từng tổ chức tín dụng, Luật năm 2017 đã bổ sung quy định về đánh giá thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trong đó bao gồm nội dung về đối tượng thực hiện, cách thức đánh giá, thời hạn đánh giá phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

+ Luật năm 2017 đã quy định trách nhiệm đánh giá thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt hiện đang quy định tại văn bản dưới luật và bổ sung các quy định cụ thể hơn về trách nhiệm, thời hạn đánh giá thực trạng và đề xuất chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt như sau: thời hạn đánh giá và đề xuất: tối đa 05 tháng; trách nhiệm xây dựng: tổ chức tín dụng, Ban Kiểm soát đặc biệt; nội dung đánh giá: thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ (trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập); thực trạng về nhân sự, quản lý, điều hành; thực trạng hoạt động, kinh doanh.

+ Quy định hiện hành chưa quy định rõ về chủ trương lựa chọn phương án xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trước khi Ban kiểm soát đặc biệt thực hiện phương án củng cố tổ chức và hoạt động. Do đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý tổ chức tín dụng yếu kém, Luật năm 2017 đã có quy định về đề xuất và phê duyệt chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trong đó, nêu cụ thể đối tượng đề xuất, thẩm quyền phê duyệt chủ trương phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Luật năm 2017 cũng quy định rõ trách nhiệm đề xuất, thẩm quyền quyết định chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt như sau: Trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt đề xuất với Ngân hàng Nhà nước chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Luật.

*+* Về phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sửa đổi, bổ sung Điều 148 và bổ sung các Điều từ Điều 148a đến Điều 148đ):

Về xây dựng, phê duyệt Phương án phục hồi: Luật năm 2017 quy định rõ ràng trách nhiệm, trình tự, thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trong đó quy định rõ thời hạn, trách nhiệm xây dựng, thẩm quyền phê duyệt phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, cụ thể về thời hạn xây dựng phương án phục hồi của tổ chức tín dụng là 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương cơ cấu lại theo phương án phục hồi.

Về nội dung phương án phục hồi: Luật 2017 quy định rõ những nội dung tối thiểu phải có tại phương án phục hồi bao gồm: phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện đối với trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định; trường hợp tỷ lệ an toàn vốn dưới mức quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc các trường hợp khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng; phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn phục hồi; phương án cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành; phương án xử lý các tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật; phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân; tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay bao gồm cả khoản vay tái cấp vốn được chuyển thành khoản vay đặc biệt; các biện pháp hỗ trợ cần áp dụng; lộ trình, thời hạn thực hiện phương án phục hồi. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung trên, phương án cần bổ sung các nội dung sau đây: Phương án hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; phương án hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ; phương án trả lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác đối với người được biệt phái tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; Phương án trả lương cho người lao động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời hạn kiểm soát đặc biệt.

Về các biện pháp hỗ trợ phục hồi: Luật năm 2017 quy định cụ thể các biện pháp hỗ trợ phục hồi bao gồm các biện pháp hỗ trợ tài chính. Trên cơ sở thực trạng của từng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, phương án phục hồi sẽ xác định cụ thể việc áp dụng một hoặc một số các biện pháp hỗ trợ phục hồi (bao gồm cả thời hạn áp dụng, quy mô biện pháp hỗ trợ).

Đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:

(i) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

(ii) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Hạch toán dần vào chi phí phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ, khoản phải thu, khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán và số tiền dự phòng đã trích lập của các khoản này phù hợp với tình hình tài chính của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt với thời hạn tối đa là 10 năm;

(iv) Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn, vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

(v) Công ty tài chính được vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;

(vi) Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi;

(vii) Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(viii) Mua, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin vượt tỷ lệ quy định tại Điều 140 của Luật này;

(ix) Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

Đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:

(i) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

(ii) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;

(iii) Tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;

(iv) Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;

(v) Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.

Luật năm 2017 cũng bổ sung Điều 148c quy định việc tổ chức thực hiện phương án phục hồi bao gồm trách nhiệm và thẩm quyền cách thức tổ chức thực hiện; sửa đổi, bổ sung phương án và hình thức xử lý khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phục hồi được theo phương án hoặc Ngân hàng Nhà nước nhận thấy không có khả năng phục hồi. Đồng thời, Luật năm 2017 bổ sung Điều 148d và Điều 148đ về điều kiện của tổ chức tín dụng hỗ trợ; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ.

+ Về phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sửa đổi, bổ sung Điều 149, bổ sung từ Điều 149a đến Điều 149d):

Việc xây dựng, phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, Luật năm 2017 quy định cụ thể các điều kiện để áp dụng phương án này gồm:

(i) Sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước quyết định chủ trương xử lý theo thẩm quyền hoặc khi không xây dựng được hoặc không được phê duyệt phương án hoặc không thực hiện được phương án phục hồi.

 (ii) Có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

(iii) Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định và đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này.

Về nội dung phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, Luật năm 2017 quy định phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn gópbao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

(i) Tên phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp và quy trình thực hiện phương án;

(ii) Thông tin về tổ chức tín dụng bị sáp nhập, nhận sáp nhập, bị hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, bao gồm nội dung chứng minh năng lực, điều kiện theo quy định của pháp luật;

(iii) Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, bao gồm cả việc tích hợp, chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất;

 (iv) Phương án hoạt động kinh doanh trong thời gian 03 năm sau sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, bao gồm cả dự kiến các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này;

(v) Phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay tái cấp vốn được chuyển thành khoản vay đặc biệt;

(vi) Biện pháp hỗ trợ cần áp dụng;

(vii) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án phải có nội dung về phương án khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Về các biện pháp hỗ trợ đối với phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, Luật năm 2017 quy định cụ thể các nhóm biện pháp hỗ trợ đối với phương án theo các hình thức xử lý, cụ thể:

(i) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

(ii) Hạch toán dần vào chi phí phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ, khoản phải thu, khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán và số tiền dự phòng đã trích lập của các khoản này phù hợp với tình hình tài chính của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt với thời hạn tối đa là 10 năm;

(iii) Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro thực hiện theo phương án đã được phê duyệt nhưng tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi;

(iv) Các biện pháp khác theo phương án đã được phê duyệt.

Luật năm 2017 cũng quy định việc tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, bao gồm trách nhiệm và thẩm quyền cách thức tổ chức thực hiện; sửa đổi, bổ sung, gia hạn thời hạn thực hiện hoặc thay đổi phương án.

+ Về phương án giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sửa đổi, bổ sung Điều 150, bổ sung Điều 150a):

Luật năm 2017 quy định trường hợp, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương giải thể bắt buộc đối với tổ chức tín dụng không có khả năng phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp và có đủ điều kiện giải thể. Trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không đủ điều kiện để thực hiện biện pháp giải thể thì tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải thực hiện thủ tục phá sản theo quy định của Luật này.

+ Về phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt (sửa đổi, bổ sung Điều 151 và bổ sung Điều 151a đến Điều 151g):

Luật năm 2017 đã bổ sung các quy định cụ thể để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt, cụ thể:

Điều kiện chuyển giao bắt buộc bao gồm:

(i) Khi ngân hàng thương mại không xây dựng hoặc không được phê duyệt hoặc hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, mà không phục hồi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được hoặc Ngân hàng Nhà nước xét thấy ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không có khả năng phục hồi theo phương án đã được phê duyệt;

(ii) Giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ở mức âm;

(iii) Có đề nghị của bên nhận chuyển giao.

Về hình thức chuyển giao bắt buộc: chỉ định tổ chức tín dụng, nhà đầu tư mới nhận chuyển giao bắt buộc (bên nhận chuyển giao). Đối tượng chuyển giao: Ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.

Về xây dựng và phê duyệt quyết định phương án chuyển giao bắt buộc: (i) Thẩm quyền thực hiện: Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ phê duyệt. (ii) Trình tự thủ tục xây dựng phương án: Xác định giá trị thực, ghi giảm vốn điều lệ và nhu cầu bổ sung vốn điều lệ; Yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt tăng vốn, thời hạn hoàn thành; Trường hợp hoàn thành việc tăng vốn thì tiếp tục thực hiện phương án đã được phê duyệt hoặc xây dựng và thực hiện phương án phục hồi hoặc được Ngân hàng Nhà nước xem xét chấm dứt kiểm soát đặc biệt; Trường hợp không hoàn thành việc tăng vốn thì yêu cầu bên nhận chuyển giao dự kiến xây dựng và hoàn thành phương án chuyển giao bắt buộc trình Ban kiểm soát đặc biệt xem xét đánh giá, báo cáo Ngân hàng Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc và giao Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc. Trường hợp không xây dựng được phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án không được phê duyệt thì Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.

Về nội dung, Phương án chuyển giao bắt buộc gồm: (i) Thông tin về bên nhận chuyển giao; (ii) Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện; (iii) Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong từng giai đoạn; (iv) Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành; (v) Phương án xử lý tồn tại, yếu kém, nợ xấu, tài sản bảo đảm; (vi) Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay tái cấp vốn được chuyển thành khoản vay đặc biệt; (vii) Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thông qua việc tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác; (viii) Biện pháp hỗ trợ cần áp dụng; (ix) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

Luật năm 2017 cũng quy định cụ thể về điều kiện và quyền của bên nhận chuyển giao, các biện pháp hỗ trợ phục hồi cho ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt được chuyển giao bắt buộc; quy định về xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định và xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc.

Về quyền của bên nhận chuyển giao, bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền sau đây: (i) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (ii) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc; (iii) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất; (iv) Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao. Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; (v) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; (vi) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55 và Điều 70 của Luật này.

Luật năm 2017 quy định việc xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt. Trường hợp thực hiện trước thời hạn xác định trong phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: (i) Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; (ii) Sau 01 năm, kể từ thời điểm quyết định chuyển giao bắt buộc có hiệu lực.

+ Về phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sửa đổi, bổ sung Điều 152 và bổ sung Điều 152a đến Điều 152c):

Nhằm khắc phục bất cập, vướng mắc đã nảy sinh trước đây, Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2017 đã hoàn thiện thêm một bước các quy định về phá sản tổ chức tín dụng yếu kém, cụ thể quy định đầy đủ hơn về trường hợp, trình tự, thủ tục phê duyệt, nội dung phương án phá sản..

Về nội dung phương án phá sản gồm: (i) Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định chủ trương phá sản; (ii) Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng; (iii) Phương án chi trả tiền gửi của khách hàng là cá nhân; (iv) Lộ trình thực hiện và trách nhiệm triển khai phương án phá sản.

Để bảo đảm tổ chức thực hiện phương án, Luật quy định về trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện phương án cũng như thẩm quyền và cách thức sửa đổi, bổ sung phương án phá sản. Việc thực hiện phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng.

Về nguyên tắc, phương án phá sản là phương án cuối cùng có thể xem xét áp dụng để xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; việc áp dụng phương án này thuộc thẩm quyền của Chính phủ và tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc là bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền.

**-** Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 155 về thời điểm thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng trong trường hợp phá sản, theo đó, sau khi thẩm phán chỉ định quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng.

**2. Về quy định chuyển tiếp**

Luật năm 2017 quy định cụ thể về cơ chế xử lý trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, xây dựng mới phương án xử lý ngân hàng thương mại đã mua bắt buộc và các nguyên tắc thực hiện việc chuyển nhượng các ngân hàng trên cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác; cơ chế xử lý chuyển tiếp do thay đổi điều kiện về tiêu chuẩn người quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, các hạn chế về cấp tín dụng và xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt mức theo quy định của Luật này.

**V. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT**

Nguồn lực từ công cụ chính sách tiền tệ thông qua hỗ trợ lãi suất tái cấp vốn, miễn giảm dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt hoặc tổ chức tín dụng hỗ trợ khi thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

 Nguồn lực từ Bảo hiểm tiền gửi Việt Namthông qua việc cho phép Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tham gia cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém dưới hình thức cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt hoặc mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ.

 Ngoài ra, về cơ bản, việc đảm bảo thi hành Luật không phát sinh đáng kể các nguồn lực và điều kiện khác (*nhân sự, cơ sở vật chất,* …). Do đó, việc có các nguồn lực tài chính nêu trên sẽ đảm bảo điều kiện cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

**VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI**

Các chính sách cụ thể tại Luật đã được đánh giá tác động cụ thể trong quá trình xây dựng Luật, theo đó, các chính sách của Luật đã góp phần tạo cơ sở pháp lý, xây dựng các quy định pháp luật cụ thể, đầy đủ để thực hiện các biện pháp phục hồi, tổ chức và hoạt động kinh doanh phù hợp với đặc thù của các tổ chức tín dụng yếu kém nói chung và ngân hàng mua bắt buộc nói riêng, nhằm đảm bảo giải quyết, khắc phục triệt để các hạn chế, yếu kém của các tổ chức tín dụng này, đảm bảo định hướng của Nhà nước về tái cơ cấu các tổ chức tín dụng. Xây dựng rõ ràng, cụ thể quy trình, biện pháp áp dụng và thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém để làm cơ sở pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tín dụng triển khai thực hiện. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành của người quản lý, điều hành tại các tổ chức tín dụng qua đó nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát rủi ro của các tổ chức tín dụng.

Theo đó, khi các tổ chức tín dụng yếu kém được đẩy nhanh tiến độ phục hồi hoạt động kinh doanh sẽ tăng cường niềm tin của xã hội vào các chính sách của Nhà nước, bảo vệ được quyền lợi của người gửi tiền và khách hàng của các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, với các điều kiện, tiêu chuẩn chặt chẽ hơn với người được lựa chọn vào vị trí quản lý, điều hành tại tổ chức tín dụng sẽ hạn chế được các sai phạm của cán bộ lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái quy định, đe dọa nghiêm trọng đến sự an toàn, lành mạnh, ổn định của ngân hàng; tạo tâm lý tin tưởng của người dân vào hệ thống ngân hàng.

Do vậy, các chính sách tại Luật không có tác động tiêu cực đến người dân và xã hội khi triển khai thực hiện.

**VII. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

Ngân hàng Nhà nước tổ chức xây dựng dự thảo các văn bản hướng dẫn Luật để bảo đảm kịp thời ban hành; rà soát, lập danh mục các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (gồm 04 văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật).

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với các quy định của Luật năm 2017 để bảo đảm tính đồng bộ.

 Tổ chức triển khai Luật năm 2017 tại hội nghị triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2018, hướng dẫn việc triển khai thi hành Luật trong toàn hệ thống các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong thời gian tới. Đồng thời, đăng tải bài giới thiệu nội dung cơ bản của Luật trên website Ngân hàng Nhà nước.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật đến các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật./.